

Bản án số: 04/2021/LĐ-PT

Ngày 26 – 03 – 2021

V/v Tranh chấp về đơn phương chấm  
dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Trần Văn Mười

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 07/2020/TLPT-LĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 1691/2019/LĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4154/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: 68A Đường 39, phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Huỳnh Kim Minh T - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: 20/C2 Đường Q, phường P12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Công ty P.

Địa chỉ: Singapore 069538.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Sohail Latif. Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Văn phòng Đại diện thường trú P tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 17 VVT, phường P6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trưởng văn phòng đại diện: Bà T

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đồng Tấn P, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 219 NĐC, phường P11, quận PN, TP. Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 25/4/2012, chứng nhận lãnh sự quán Singapore tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/4/2012.

2. Công ty F

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tương Minh.  
Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Thị Thanh Loan (có mặt).

Chuyên viên pháp chế văn phòng công ty (Theo giấy ủy quyền số 865/GUQ-F-VP, ngày 14/10/2019.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty F

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/5/2012 và bản khai, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Kh trình bày:***

Ngày 01/11/2005, ông Kh được tuyển dụng vào làm việc tại Văn phòng đại diện thường trú P tại Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là Văn phòng đại diện P), với chức vụ là Trưởng phòng Information Technology (IT). Tính đến nay, ông đã làm việc được 09 năm, chức vụ hiện tại là Trưởng phòng IT.

Trong buổi làm việc ngày 08/02/2012, thông qua người được ủy quyền của Văn phòng đại diện P, ông mới biết Văn phòng đại diện P sẽ chấm dứt hoạt động do hết hạn giấy phép. Tuy nhiên, trong các buổi làm việc tiếp đó, Văn phòng đại diện P hoàn toàn không đề cập đến việc Công ty có chấm dứt hợp đồng lao động với ông hay không? Ông đã nhiều lần yêu cầu Văn phòng đại diện P trả lời về vấn đề này và chế độ nghỉ việc như thế nào nhưng Văn phòng đại diện P không trả lời.

Ngày 07/3/2012, ông Kh nhận được thư về “Sự vi phạm và kết thúc hợp đồng” do bà T là người đại diện của Văn phòng đại diện P ký ngày 21/02/2012, với nội dung sa thải ông, buộc ông phải kết thúc hợp đồng và không cho ông nhận bất cứ khoản trợ cấp nào.

Nhận thấy quyền lợi và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ông yêu cầu Công ty P - Văn phòng đại diện P chi trả cho ông những khoản sau:

1. Tiền lương tháng 01/2012, 02/2012 là  $1400 \text{ USD} \times 02 = 2800 \text{ USD}$  (Tương đương 58.380.000 VNĐ).

2. Tiền vi phạm thời gian báo trước chấm dứt hợp đồng lao động là  $1400 \text{ USD}/26 \text{ ngày} \times 45 \text{ ngày} = 2423,077 \text{ USD}$  (Tương đương 50.521.153 VNĐ).

3. Tiền thưởng tháng 13/2011 là  $1400 \text{ USD}$  (Tương đương 29.190.000 VNĐ).

4. Trả trợ cấp thôi việc, một năm làm việc nửa tháng lương từ 01/11/2005 đến 31/12/2008 là 3.5 năm, số tiền phải trả là  $2450 \text{ USD}$  (Tương đương 51.082.000 VNĐ).

5. Tiền phép năm: Ông còn 14 ngày, số tiền là  $1800 \text{ USD}/26 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 735,846 \text{ USD}$  (Tương đương 15.717.689 VNĐ).

6. Tiền bồi thường khi nguyên đơn bị chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật (Sa thải trái pháp luật): Bồi thường hai tháng lương hiện tại là  $1400 \text{ USD} \times 02 = 2800 \text{ USD}$  (Tương đương 58.380.000 VNĐ);

7. Tiền bồi thường về trợ cấp thất nghiệp thời gian ông không được tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 11/2009 đến nay là 60% lương bình quân của 06 tháng đóng Bảo hiểm thất nghiệp trước khi nghỉ việc trong 06 tháng:  $60\% \times \{(1400 \text{ USD} \times 4)\} \times 06 = 5040 \text{ USD}$  (Tương đương 105.084.000 VNĐ).

8. Tiền nợ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2012 là 8639 USD (Tương đương 180.123.150 VNĐ). Tiền phạt đóng chậm Bảo hiểm xã hội theo lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tổng cộng, ông Nguyễn Hữu Kh yêu cầu Công ty P - Văn phòng đại diện P trả cho ông số tiền 26.305,92 USD (Tương đương 548.479.000 VNĐ (Năm trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và số tiền lãi cho việc chậm trả (USD tính theo tỉ giá bình quân giữa giá mua và giá bán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại mỗi thời điểm thanh toán).

Ngày 01/11/2018, ông Nguyễn Hữu Kh có đơn xác nhận lại yêu cầu khởi kiện và đề nghị Công ty F phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, bồi thường thay cho Công ty P. Đồng thời, ông xin rút các yêu cầu khởi kiện bao gồm:

Buộc Công ty P bồi thường thiệt hại về bảo hiểm thất nghiệp;

Trả lương tháng 13 năm 2011;

Tiền phép năm 2011.

Đối với các khoản tiền lương và bồi thường còn lại do tỷ giá tiền USD so với tiền VND thay đổi từ năm 2012 là 20.850VND/USD, đến năm 2018 là 23.270VND/USD nên đề nghị Tòa án quy đổi mức lương làm căn cứ để tính tiền bồi thường trên cơ sở giá trị Đồng Đô la Mỹ tại thời điểm xét xử.

***Bị đơn Công ty P không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được lời khai.***

***Tại bản tự khai đề ngày 16/8/2012, ông Đồng Tấn P là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng đại diện thường trú P tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:***

Từ ngày 28/12/2011, các nhân viên của Văn phòng đại diện P có yêu cầu thường 01 tháng lương, do chưa được trả lời nên đến ngày 11/01/2012, các nhân viên Văn phòng đại diện P đồng loạt ngừng việc tập thể, cùng ngày trưởng Văn phòng đại diện P thông báo do tình hình kinh doanh của Công ty không thuận lợi nên lương tháng 13 của nhân viên là  $\frac{1}{2}$  tháng lương, các nhân viên xin thôi việc tập thể, yêu cầu chấm dứt hợp đồng lao động trong thời hạn 45 ngày. Theo yêu cầu của các nhân viên văn phòng và cũng do giấy phép hoạt động của văn phòng đã hết hạn vào ngày 05/2/2012, nên bà T là Trưởng Văn phòng đại diện P đã đồng ý cho nhân viên nghỉ việc ngày 17/01/2012 và yêu cầu bàn giao công việc, tài sản vào ngày 10/02/2012. Tuy nhiên, các nhân viên Văn phòng đại diện P không bàn giao tài sản và công việc theo đúng hạn, việc làm của các nhân viên Văn phòng đại diện P như đình công bất hợp pháp, phá hoại hệ thống dữ liệu vi tính, không bàn giao tài sản và công việc đã gây thiệt hại rất lớn cho công ty.

Nay ông Kh khởi kiện Công ty P, phía Công ty P đồng ý thanh toán cho ông Kh tiền lương tháng 01 năm 2012 và 05 ngày lương tháng 02 năm 2012, và phần đóng bảo hiểm xã hội, tiền phạt chậm đóng theo quy định của cơ quan Bảo hiểm xã hội. Đối với các yêu cầu khác, Công ty P không đồng ý.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) có lời khai trình bày:***

Tại Công văn số 971/F-TTLĐ, ngày 16/8/2012 của Công ty F, F xác định đang giữ của Văn phòng đại diện P số tiền 735.025.000 đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bao gồm ngày 18/11/2011 Văn Phòng Công ty P chuyển vào tài khoản của Công ty F số tiền là 419.800.000 đồng và ngày 22/12/2011 Văn phòng Công ty tiếp tục chuyển tiếp vào tài khoản của F số tiền là 315.225.000 đồng. Công ty F có mời Đại diện Văn phòng đến F làm việc để giải quyết công nợ và chốt sổ BHXH cho nhân viên nhưng văn phòng không đến làm việc. Hiện số tiền này đang treo tại tài khoản của F.

***Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 419/TAQ3, ngày 26/6/2013 về việc đề nghị Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh cho biết hoạt động của Văn phòng đại diện P:***

Theo Công văn trả lời số 6302/SCT-TTTNN, ngày 15/7/2013 của Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh thì Giấy phép thành lập Văn phòng đại

diện P số 41-000444 do Sở Công thương cấp ngày 05/02/2007 đã hết hạn kể từ ngày 05/02/2012 và đến nay P vẫn chưa thực

hiện các thủ tục hoàn tất đóng cửa Văn phòng đại diện theo quy định. Theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 22 Nghị định 72/2006/NĐ-CP, ngày 25/7/2006 của Chính phủ thì Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài sẽ chấm dứt hoạt động trước khi hết thời hạn hoạt động, theo Giấy phép thành lập văn phòng đại diện mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn. Do Văn phòng đại diện P chưa có đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, nên Văn phòng đại diện P đã chấm dứt hoạt động khi hết hạn kể từ ngày 05/02/2012. Bên cạnh đó, theo Điều 23 Nghị định 72/2006/NĐ-CP, ngày 25/7/2006 của Chính phủ về “Nghĩa vụ của thương nhân nước ngoài đối với Văn phòng đại diện” thì ít nhất 15 ngày trước khi Văn phòng đại diện P chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 22 Nghị định này, Công ty P - Văn phòng đại diện P có nghĩa vụ thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với Nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 1691/2019/LĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Kh về việc buộc Công ty P phải có trách nhiệm trả ông Nguyễn Hữu Kh các khoản tiền sau:

- Tiền lương của tháng 01 và tháng 02 năm 2012 là 58.380.000 VND (Năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng);
- Tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước là 50.521.153 VND (Năm mươi triệu năm trăm hai mươi một ngàn một trăm năm mươi ba đồng);
- Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 58.380.000 VND (Năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng);
- Tiền trợ cấp thôi việc là 51.082.000 VND (Năm mươi một triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng);
- Tiền lãi chậm thanh toán lương là 62.933.640 VND (Sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi đồng);
- Chi phí ủy thác tư pháp là 14.600.000 VND (Mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Kh về việc:

- Yêu cầu Công ty P phải có trách nhiệm thanh toán tiền lương, tiền bồi thường theo tỷ giá tiền Đô la Mỹ so với tiền đồng Việt Nam năm 2019.
- Yêu cầu Công ty P phải trực tiếp chi trả tiền bảo hiểm cho ông Nguyễn Hữu Kh.

- Yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) phải thay mặt Công ty P thanh toán toàn bộ các khoản tiền lương và bồi thường khác (ngoài tiền đóng bảo hiểm các loại) cho ông Nguyễn Hữu Kh.

3. Buộc Công ty P và ông Nguyễn Hữu Kh phải đóng cho cơ quan BHXH có thẩm quyền tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Công ty P có trách nhiệm đóng các khoản tiền phạt chậm đóng cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, chốt sổ BHXH cho ông Nguyễn Hữu Kh từ tháng 9 năm 2009 đến hết tháng 02 năm 2012 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Hữu Kh.

4. Nếu Công ty P không thi hành theo Điều 3 của Quyết định này, thì Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) có trách nhiệm trích các khoản tiền mà Công ty F đang tạm giữ của Công ty P đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản tiền phạt chậm đóng cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền từ tháng 10 năm 2009 đến hết tháng 02 năm 2012 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và Luật bảo hiểm y tế.

5. Buộc Công ty P phải trả cho ông Nguyễn Hữu Kh 14.600.000 VND (Mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) chi phí uỷ thác tư pháp và số tiền uỷ thác tư pháp tổng đạt bản án (nếu có).

6. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Kh về:

Tiền thưởng năm 2011, tiền bồi thường về bảo hiểm thất nghiệp, tiền phép năm 2011.

7. Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu Kh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty P chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty P phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài F kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm về nội dung liên quan đến quyền lợi của công ty F. Bị đơn vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty F trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền của công ty P chuyển cho F là thực hiện hợp đồng cung ứng do hai bên thỏa thuận. Nguyên đơn cho rằng không biết việc người lao động phải đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ người lao động là không đúng. Người lao động cũng có vi phạm, ngừng việc tập thể, gây thiệt hại cho công ty P. F chỉ thực hiện nghĩa vụ thu nộp hộ chứ không có nghĩa vụ với người lao động. Ông Kh kiện P. P là công ty nước ngoài. F thực hiện trả lương thay cho P. F chỉ giữ tiền để thanh toán. F có nhiệm vụ an ninh chính trị đối ngoại, quyết định của bản án sơ thẩm ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty F.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày như tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo hợp đồng dịch vụ giữa công ty P và F, F thực hiện nghĩa vụ thu nộp thuế, bảo hiểm xã hội. Tòa cấp sơ thẩm xác định buộc F trích khoản tiền tạm giữ trả cho nguyên đơn là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Đại diện thường trú P tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt.. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Hữu Kh và Văn phòng đại diện công ty P có ký 02 hợp đồng lao động ngày 01/11/2005 và số PECO06-07 ngày 02/01/2007. Theo đó, ông Kh làm việc tại Văn phòng đại diện công ty P với chức vụ Trưởng phòng

Information Technology (IT). Ngày 07/3/2012 ông Kh nhận được thư “Sự vi phạm và kết thúc hợp đồng” do người đại diện của Văn phòng đại diện công ty ký ngày 21/02/2012, nội dung sa thải, buộc ông phải kết thúc hợp đồng và không được nhận trợ cấp. Ông Khiếm cho rằng hành vi của công ty gây ảnh hưởng đến quyền lợi nên khởi kiện yêu cầu bồi thường các khoản gồm:

- Tiền lương tháng 01/2012, 02/2012
- Tiền vi phạm thời gian báo trước chấm dứt hợp đồng lao động
- Tiền trợ cấp thôi việc
- Tiền bồi thường khi bị chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật
- Tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 11/2009 đến 02/2012.

Đồng thời nguyên đơn yêu cầu tính tỷ giá tiền USD quy đổi sang tiền VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm xét xử.

Bị đơn công ty P không tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành ủy thác tư pháp, nhưng hết thời hạn ủy thác bị đơn không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đại diện công ty P tại Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý một phần yêu cầu của ông Kh, thanh toán cho ông Kh tiền lương tháng 01 năm 2012 và 05 ngày lương tháng 02 năm 2012, và phần đóng bảo hiểm xã hội, tiền phạt chậm đóng theo quy định của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) xác định công ty F đang giữ của Văn phòng đại diện số 735.025.000 đồng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định:

[3.1] Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Nguyễn Hữu Kh và Văn phòng đại diện công ty P không trái pháp luật, người ký hợp đồng đúng thẩm quyền nên có hiệu lực thi hành và ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ hợp đồng lao động.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2012, người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng đại diện trình bày lý do công ty chấm dứt hợp đồng lao động là vì ông Kh ký đơn xin thôi việc tập thể ngày 11/01/2012, công ty chấp nhận đơn ngày 17/01/2012 và đề nghị ông Kh bàn giao công việc ngày 10/02/2012. Căn cứ vào Điều 40 Bộ luật lao động năm 1994 thì việc công ty P cho ông Kh nghỉ việc ngày 17/01/2012 đã vi phạm thời hạn báo trước. Ngày 08/3/2012, ông Kh được nhận văn bản “Sự vi phạm và kết thúc hợp đồng”, trong đó thể hiện Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngay lập tức với ông Nguyễn Hữu Kh. Lý do Công ty P đưa ra là ông Kh “... đã có những hành động gây ra nhiều tổn thất đến lợi ích cho tập đoàn”, theo điểm a Khoản 1 Điều 85 Bộ luật



Lao động năm 1994 (được sửa đổi bổ sung năm 2002) thì người sử dụng lao động có quyền xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải. Tuy nhiên, việc xử lý kỷ luật phải thực hiện theo trình tự thủ tục được quy định tại Điều 87 Bộ luật Lao động và hướng dẫn bởi Nghị định số 41-CP, ngày 06/7/1995 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất. Phía Công ty P không thực hiện các trình tự và thủ tục xử lý kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật nên văn bản “Sự vi phạm và kết thúc hợp đồng” là trái pháp luật. Vậy, việc công ty P chấm dứt hợp đồng với ông Kh là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 38 Bộ luật Lao động.

[3.2] Theo thư tăng lương ngày 20/3/2011 do chánh văn phòng là bà Bùi Kim Thái thay mặt Công ty P thông báo thì mức lương của ông Kh là 1.400 USD/tháng. Công ty P không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối về mức lương của ông Kh. Do đó, Tòa án ghi nhận mức lương làm cơ sở để tính tiền bồi thường là 1.400 USD/tháng theo Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn yêu cầu được tính tỷ giá USD quy đổi sang VNĐ tại thời điểm xét xử. Tuy nhiên, căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH, ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/PLUBTVQH13, ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối; Văn bản hợp nhất 08/VBHN-NHNN quy định hạn chế sử dụng ngoại hối ở Việt Nam ban hành ngày 23/10/2015, hợp nhất Thông tư 32/2013/TT-NHNN và Thông tư số 16/2015/TT-NHNN hướng dẫn cụ thể về thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, thì việc sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam bị hạn chế, người lao động Việt Nam làm việc trong nước không thuộc diện được sử dụng ngoại hối. Do đó, Tòa án tính mức lương cơ sở làm căn cứ tính bồi thường theo tỷ giá đồng USD tại đơn khởi kiện.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động thì công ty P phải thanh toán cho ông Kh các khoản sau:

- Tiền lương tháng 01 và 02/2012:  $1.400 \text{ USD} \times 2 = 2.800 \text{ USD}$  (tương đương 58.380.000 đồng).

- Tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước:  $1.400 \text{ USD}/26 \text{ ngày} \times 45 \text{ ngày} = 2.423,077 \text{ USD}$  (tương đương 50.521.153 đồng)

- Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật:  $1.400 \text{ USD} \times 2 = 2.800 \text{ USD}$  (tương đương 58.380.000 đồng).

- Tiền trợ cấp thôi việc: Từ ngày 01/11/2005 đến ngày 01/01/2009 (ngày quy định về bảo hiểm thất nghiệp có hiệu lực) là 3,5 năm, một năm làm việc nửa tháng lương, số tiền phải trả là 2.450 USD (tương đương 51.082.000 đồng).

[3.3] Đối với yêu cầu bị đơn chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Căn cứ Điều 5 Luật Bảo hiểm xã hội thì yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, theo điểm a khoản 1 Điều 16, điểm a khoản 1 Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội thì trong thời gian người lao động làm việc, hai bên (người lao động và người sử dụng lao động) phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm bắt buộc. Từ ngày 01/11/2009 đến ngày 05/02/2012, Công ty P không đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp cho ông Kh, Công ty P đã vi phạm vào điều cấm của pháp luật. Do đó, Công ty P cũng như ông Kh phải tiếp tục đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian trên. Do Công ty P có lỗi trong việc không đóng bảo hiểm cho ông Kh nên Công ty P phải thanh toán tiền lãi phạt chậm đóng theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

[3.4] Giữa Công ty Dịch vụ Cơ quan Nước ngoài (F) và Văn phòng đại diện công ty P có Hợp đồng dịch vụ số 555/TTLĐ/DV ngày 23/5/2000. Hiện nay Công ty còn giữ của P số tiền đóng bảo hiểm và tiền thuế thu nhập cá nhân của nhân viên Văn phòng giao dịch công ty P tổng cộng là 735.025.000 đồng, nhưng không xác định rõ Công ty P đã chuyển thanh toán cho khoản tiền bảo hiểm (các loại) là bao nhiêu? Đóng cho thời gian nào? Khoản tiền thuế thu nhập cá nhân cũng không có thông tin gì. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của người lao động, trong trường hợp Công ty P không đóng các khoản bảo hiểm cho người lao động cần buộc Công ty F (thay mặt Công ty P) và ông Nguyễn Hữu Kh phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, từ tháng 9 năm 2009 đến hết tháng 02 năm 2012. Ngoài ra, để bảo đảm thuận lợi cho việc thi hành án, phía Công ty F có trách nhiệm đóng các khoản tiền phạt chậm đóng bảo hiểm và sau khi đóng phạt, Công ty F có thể khởi kiện Công ty P để yêu cầu thanh toán lại khoản phạt này. Do giữa công ty F và công ty P chỉ có hợp đồng về dịch vụ bảo hiểm nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc công ty F thanh toán các khoản tiền lương và bồi thường cho nguyên đơn là không có căn cứ.

[3.5] Theo Khoản 1 Điều 59 Bộ luật Lao động năm 1994 thì công ty P phải trả lãi do chậm thanh toán tiền lương cho ông Kh. Theo Điều 2 Thông tư số 30/TT-NHNN, ngày 28/9/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quy định lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng Đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài được quy định như sau: “*Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng trở lên là 14%/năm...*”. Thời gian tính lãi được tính từ ngày nguyên đơn nhận được văn bản chấm dứt hợp đồng lao động ngày 08/3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/11/2019 tổng cộng là 07 năm 08 tháng 12 ngày. Số tiền lãi mà Công ty P phải trả cho ông Kh sẽ là  $58.380.000 \text{ VNĐ} \times 14\%/\text{năm} \times (7 + 8/12 + 12/365) \text{ năm} = 62.933.640 \text{ đồng}$ .

Số tiền bị đơn phải trả cho đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật như tiền bồi thường do vi phạm thời gian báo trước, bồi thường do

chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tiền trợ cấp thôi việc, phát sinh trách nhiệm thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không được tính tiền lãi. Đối với tiền phải thanh toán cho cơ quan bảo hiểm xã hội thì bị đơn phải chịu trách nhiệm trả các khoản tiền phạt cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế nên không phải trả lại cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Kh.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Kh là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan công ty F kháng cáo cho rằng hợp đồng số 555/TTLĐ giữa công ty và bị đơn là hợp đồng song vụ. Việc công ty lưu giữ số tiền của bị đơn là để giải quyết nợ hợp đồng. Ngoài ra, nguyên đơn cũng có lỗi khi nhận lương nhưng không thực hiện nghĩa vụ trích nộp bảo hiểm xã hội theo quy định. Do vậy công ty F đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc công ty F phải thay mặt phía công ty P nộp các khoản bảo hiểm cho ông Kh. Đồng nghĩa với việc bỏ toàn bộ mục 4 phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

Xét thấy, nội dung hợp đồng số 555/TTLĐ/DV thể hiện công ty F thực hiện dịch vụ thu và nộp hộ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân của nhân viên Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện công ty P. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc công ty F thay mặt bị đơn thực hiện các khoản bảo hiểm theo chế độ là có căn cứ đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F), giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 1691/2019/LĐ-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) đối với nội dung kháng cáo yêu cầu sửa nội dung quyết định tại mục 4 phần quyết định của

bản án sơ thẩm; Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 1691/2019/LĐ-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Kh về việc buộc Công ty P phải có trách nhiệm trả ông Nguyễn Hữu Kh các khoản tiền sau:

- Tiền lương của tháng 01 và tháng 02 năm 2012 là 58.380.000 VND (Năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng);

- Tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước là 50.521.153 VND (Năm mươi triệu năm trăm hai mươi một ngàn một trăm năm mươi ba đồng);

- Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 58.380.000 VND (Năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng);

- Tiền trợ cấp thôi việc là 51.082.000 VND (Năm mươi một triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng);

- Tiền lãi chậm thanh toán lương là 62.933.640 VND (Sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi đồng);

- Chi phí ủy thác tư pháp là 14.600.000 VND (Mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Kh về việc:

- Yêu cầu Công ty P phải có trách nhiệm thanh toán tiền lương, tiền bồi thường theo tỷ giá tiền Đô la Mỹ so với tiền đồng Việt Nam năm 2019.

- Yêu cầu Công ty P phải trực tiếp chi trả tiền bảo hiểm cho ông Nguyễn Hữu Kh.

- Yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) phải thay mặt Công ty P thanh toán toàn bộ các khoản tiền lương và bồi thường khác (ngoài tiền đóng bảo hiểm các loại) cho ông Nguyễn Hữu Kh.

3. Buộc Công ty P và ông Nguyễn Hữu Kh phải đóng cho cơ quan BHXH có thẩm quyền tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Công ty P có trách nhiệm đóng các khoản tiền phạt chậm đóng cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, chốt sổ BHXH cho ông Nguyễn Hữu Kh từ tháng 9 năm 2009 đến hết tháng 02 năm 2012 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Hữu Kh.

4. Nếu Công ty P không thi hành theo Điều 3 của Quyết định này, thì Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) có trách nhiệm trích các khoản tiền mà Công ty F đang tạm giữ của Công ty P đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản tiền phạt chậm đóng cho Cơ quan

Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền từ tháng 10 năm 2009 đến hết tháng 02 năm 2012 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và Luật bảo hiểm y tế.

5. Buộc Công ty P phải trả cho ông Nguyễn Hữu Kh 14.600.000 VND (Mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) chi phí uỷ thác tư pháp và số tiền uỷ thác tư pháp tổng đạt bản án (nếu có).

6. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Kh về:

Tiền thưởng năm 2011, tiền bồi thường về bảo hiểm thất nghiệp, tiền phép năm 2011.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/ Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (F) phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0045152 ngày 10/12/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 19b (Án VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**